

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ L  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2020/DS-ST

Ngày 29-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Chiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Võ Thị Tiếng

2. Ông Phạm Thành Ngôn

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa:*** Ông Kiều Văn Liêu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2020/TLST-DS, ngày 17 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 296/2020/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đ

Trụ sở chính: đường P, phường X, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T - Chủ tịch Hội đồng quản trị (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301442379, đăng ký thay đổi lần đầu ngày 08/4/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 39, ngày 11/9/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hữu T - Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh An Giang - Phòng giao dịch L (theo Quyết định ủy quyền số 1092/QĐ-DAB-PC, ngày 21/6/2016). (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964

Địa chỉ: đường D, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Phạm Hữu T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (sau đây gọi là Ngân hàng) có cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 70.000.000 đồng theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ, ngày 20/5/2015 của bà Nguyễn Thị T được Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh An Giang - Phòng giao dịch L duyệt vay ngày 25/5/2015; thời hạn vay 36 tháng; Lãi suất trong hạn 7,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn. Đến ngày 28/5/2015, bà T được giải ngân số tiền vay qua tài khoản thẻ (theo Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ, đợt vay 0008390701T15004, ngày 28/5/2015 có ký xác nhận của người vay bà Nguyễn Thị T); hình thức thanh toán: trả góp hàng tháng với số tiền 2.390.000 đồng/tháng, tháng cuối trả 2.100.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã góp cho Ngân hàng được 22 kỳ và 2.110.000 đồng, tổng số tiền bà T đã thanh toán là 54.690.000 đồng (gồm: vốn 41.677.839 đồng, lãi 13.012.161 đồng), lần cuối bà T trả nợ là ngày 09/10/2018, từ đó đến nay không trả nữa mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở và tạo điều kiện. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán số tiền 39.908.085 đồng, trong đó: gốc 28.322.161 đồng, lãi tạm tính đến ngày 29/9/2020 là 11.585.924 đồng, gồm lãi trong hạn 2.737.837 đồng và lãi quá hạn 8.848.087 đồng; yêu cầu bà T tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 30/9/2020 cho đến khi thanh toán xong số nợ.

Tại phiên tòa, ông T trình bày lý do có sự chênh lệch về tiền lãi quá hạn giữa các bảng tính lãi trong quá trình giải quyết so với bảng tính lãi do Ngân hàng cung cấp ngày 29/9/2020 là vì sai sót trong tính toán và nhầm lẫn về số liệu chữ về bản chất không thay đổi cách tính theo thỏa thuận về lãi trong hợp đồng, ông T xác định bảng lãi ngày 29/9/2020 là bảng lãi chính xác. Đồng thời, Ngân hàng xác định rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà T thanh toán phí sử dụng thẻ ATM là 31.556 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị T vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa, bà T tiếp tục vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không trình bày ý

kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nên chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ đối với yêu cầu trả phí sử dụng thẻ ATM là 31.556 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Nguyễn Thị T. Bà T cư trú tại đường D, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn bà T vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng bị đơn.

[2] Về nội dung: Ngày 20/5/2015, bà Nguyễn Thị T ký Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ và được Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh An Giang - Phòng giao dịch L duyệt vay ngày 25/5/2015, để vay số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng; lãi suất trong hạn 7,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn. Đến ngày 28/5/2015, bà T được giải ngân qua tài khoản thẻ (theo Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ, đợt vay 0008390701T15004, ngày 28/5/2015 có ký xác nhận của người vay bà Nguyễn Thị T). Quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu như trên.

Trong suốt quá trình giải quyết, bà T đều vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như chứng cứ do Tòa án thu thập. Bà T cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc có yêu cầu phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như vậy bà đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ được quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày lý do có sự chênh lệch về lãi quá hạn là do sai sót trong tính toán và nhầm lẫn về số liệu, nhận thấy sự chênh lệch này không ảnh hưởng đến nội dung vụ án vì về bản chất không thay đổi cách tính lãi theo thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ của bà Nguyễn Thị T ngày 20/5/2015 và Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 28/5/2015 do Ngân hàng lập và có ký xác nhận của bà T để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu bà T có trách nhiệm trả số tiền 39.908.085 đồng, trong đó: gốc 28.322.161 đồng, lãi tạm tính đến ngày 29/9/2020 là 11.585.924 đồng, gồm lãi trong hạn 2.737.837 đồng và lãi quá hạn 8.848.087 đồng; bà T tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 30/9/2020 cho đến khi thanh toán xong số nợ.

Đối với yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về phí sử dụng thẻ ATM là 31.556 đồng. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phí sử dụng thẻ ATM là 31.556 đồng.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 1.995.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại 1.092.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005025, ngày 17/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 357, 463; 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đối với bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (do Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh An Giang - Phòng giao dịch L đại diện nhận) số tiền 39.908.085 đ (ba mươi chín triệu, chín trăm lẻ tám nghìn, không trăm tám mươi lăm đồng), trong đó: vốn 28.322.161 đ (hai mươi tám triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn, một trăm sáu mươi một đồng), lãi tạm tính đến ngày 29/9/2020 là 11.585.924 đ (mười một triệu, năm trăm tám mươi lăm nghìn, chín trăm hai mươi bốn đồng), bao gồm lãi trong hạn 2.737.837 đ (hai triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn, tám trăm ba mươi bảy đồng) và lãi quá hạn 8.848.087 đ (tám triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn, không trăm tám mươi bảy đồng).

Kể từ ngày 30/9/2020, bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả phí sử dụng thẻ ATM là 31.556 đồng.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 1.995.000 đ (một triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được nhận lại (do Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh An Giang - Phòng giao dịch L đại diện nhận thay) số tiền 1.092.000 đồng (một triệu, không trăm chín mươi hai nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005025, ngày 17/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND TPL;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPL;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**Hà Thị Chiền**